

Số: /TCBC-SYT

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

THÔNG CÁO BÁO CHÍ
Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh
ban hành trong lĩnh vực Y tế

Căn cứ Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”;

Thực hiện Kế hoạch số 176/KH-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân" trên địa bàn tỉnh trong năm 2025;

Sở Y tế ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực Y tế như sau:

I. Văn bản 1: Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đối với viên chức tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai.

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đối với viên chức tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức hỗ trợ đối với viên chức tại Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2023 - 2027.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15);

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 và Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, quy định thẩm quyền HĐND tỉnh trong việc quyết định chính sách, chế độ chi ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP, Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP) của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 về danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 (sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 52/2019/QH14).

b) Cơ sở thực tiễn

Căn cứ Đề án số 01/ĐA-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thành lập cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai sau sáp nhập đơn vị hành chính tỉnh Đồng Nai và tỉnh Bình Phước theo Nghị quyết số 202/NQ/QH15 của Quốc hội ngày 12 tháng 6 năm 2025.

Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em và Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước là 02 đơn vị trợ giúp xã hội công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Nai (sau sáp nhập).

Ngoài ra, theo Quyết định số 3753/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc thành lập Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ bảo trợ trẻ em trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở hợp nhất 02 đơn vị gồm Trung tâm Công tác xã hội và Quỹ Bảo trợ trẻ em.

Theo Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh Đồng Nai, viên chức Trung tâm Công tác xã hội được hỗ trợ 2 - 3 triệu đồng/người/tháng, trong khi viên chức Trung tâm BTXH Bình Phước và 02 viên chức thuộc Quỹ Bảo trợ trẻ em sau khi hợp nhất về Trung tâm CTXH (được phân công nhiệm vụ chăm sóc đối tượng, hưởng lương từ ngân sách) chưa được hưởng chính sách này.

Hiện nay, hai đơn vị thiếu nhân lực, điều kiện làm việc nặng nhọc, độc hại, thu nhập bình quân 9,7-10,9 triệu đồng/tháng; các công việc đều thuộc danh mục nghề độc hại, nguy hiểm theo Thông tư số 11/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH.

Tham khảo chính sách hỗ trợ từ một số địa phương như: Bình Dương, Vĩnh Long đã hỗ trợ tương tự (từ 1,5 - 2 lần mức lương cơ sở/tháng).

Do đó, cần thiết ban hành Nghị quyết mới nhằm thống nhất chính sách sau sáp nhập, khuyến khích viên chức yên tâm công tác, nâng cao chất lượng chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội.

c) Mục đích ban hành văn bản

Xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đối với viên chức tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai nhằm:

- Cụ thể hóa mức trợ cấp đối với viên chức tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành y tế thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp, hợp nhất theo chủ trương của Trung ương.
- Đảm bảo tính pháp lý làm cơ sở để thực hiện chi trả, hỗ trợ cho các đối tượng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp theo chủ trương chung.
- Phù hợp với khả năng nguồn lực và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu

- Nghị quyết được bố cục thành 05 Điều cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức hỗ trợ.

Điều 3. Kinh phí thực hiện.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

Điều 5. Điều khoản thi hành.

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đối với viên chức tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện quy định chính sách hỗ trợ này tại các cơ sở.

- Đối tượng áp dụng:

Viên chức tại Cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành y tế tỉnh Đồng Nai.

- Mức hỗ trợ:

+ Hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người/tháng đối với viên chức tiếp xúc không thường xuyên với đối tượng (Giám đốc, Phó Giám đốc, viên chức hành chính).

+ Hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người/tháng đối với viên chức tiếp xúc thường xuyên và trực tiếp với đối tượng (cán bộ nuôi dưỡng, chăm sóc, y tế, phục vụ).

Nếu viên chức được hưởng đồng thời nhiều chế độ hỗ trợ theo các nghị quyết khác của HĐND tỉnh thì chỉ áp dụng mức cao nhất.

- Nội dung quy định mới của Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND so với Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐND: bổ sung Trung tâm Bảo trợ xã hội Bình Phước vào phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Nghị quyết.

II. Văn bản 2: Nghị quyết Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 189/2019/NQ-HĐND ngày 6 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Điều 21 Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 quy định về Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi: *Người thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà; Người thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chúc thọ và tặng quà; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phối hợp với Hội người cao tuổi tại địa phương, gia đình của người cao tuổi tổ chức mừng thọ người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 và 100 tuổi trở lên vào một trong các ngày Người cao tuổi Việt Nam; ngày Quốc tế người cao tuổi; tết Nguyên đán hoặc sinh nhật của người cao tuổi.*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Đồng Nai hiện nay có 02 Nghị quyết đang áp dụng mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ cho người cao tuổi, gồm: *Nghị quyết số 189/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh Bình Phước quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Bình Phước.*

Hai Nghị quyết này có sự khác nhau về mức chi quà *chúc thọ, mừng thọ* ở từng nhóm tuổi, gây thiếu thống nhất trong thực hiện chính sách sau khi sáp nhập. Để thống nhất chính sách an sinh xã hội, việc ban hành Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai thay thế 02 nghị quyết nêu trên là cần thiết, phù hợp với tình hình thực tế và chủ trương của Trung ương.

c) Mục đích ban hành văn bản

Quy định thống nhất mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, làm căn cứ để Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện công tác chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh theo quy định của Luật Người cao tuổi, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Việc ban hành Nghị quyết góp phần thể hiện sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và chính quyền địa phương đối với người cao tuổi; tôn vinh, tri ân những đóng góp của người cao tuổi đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển quê hương, đồng thời gìn giữ và phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc trong việc tôn trọng, chăm sóc và phụng dưỡng người cao tuổi.

4. Nội dung chủ yếu

- Nghị quyết được bố cục thành 06 Điều cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 3. Mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi

Điều 4. Kinh phí thực hiện

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Điều 6. Điều khoản thi hành

- Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Các nội dung khác liên quan đến nội dung chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và các cơ quan có thẩm quyền.

- Đối tượng áp dụng:

+ Người cao tuổi là công dân Việt Nam, đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (có đăng ký thường trú) ở tuổi 70, 75, 80, 85, 90, 95, 100 tuổi và trên 100 tuổi theo quy định của Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12.

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân được giao nhiệm vụ, có trách nhiệm thực hiện chúc thọ, mừng thọ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi:

+ Mức quà tặng người cao tuổi thọ 70, 75 tuổi: 400.000 đồng/người.

+ Mức quà tặng người cao tuổi thọ 80, 85 tuổi: 500.000 đồng/người.

+ Mức quà tặng người cao tuổi thọ 90 tuổi: 1.200.000 đồng/người (bao gồm: 1.000.000 đồng tiền mặt và phần quà trị giá 200.000 đồng).

+ Mức quà tặng người cao tuổi thọ 95 tuổi: 1.400.000 đồng/người (bao gồm: 1.000.000 đồng tiền mặt và phần quà trị giá 400.000 đồng).

+ Mức quà tặng người cao tuổi thọ 100 tuổi: 4.000.000 đồng/người (bao gồm: 1.500.000 đồng tiền mặt; 5 mét vải lụa trị giá 700.000 đồng và khánh (hoặc tranh) chúc thọ trị giá 1.800.000 đồng).

+ Mức quà tặng người cao tuổi thọ trên 100 tuổi: 3.000.000 đồng/người/năm (bao gồm: 2.500.000 đồng tiền mặt và phần quà trị giá 500.000 đồng).

- Nội dung Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND so với Nghị quyết số 189/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND:

Không có điểm mới, tuy nhiên mức hỗ trợ các đối tượng được tiếp thu, kế thừa mức hỗ trợ cao nhất của Nghị quyết số 189/2019/NQ-HĐND, Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND.

III. Văn bản 3: Nghị quyết Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 – 2030.

2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022 - 2025.

- Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2024 - 2025.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Căn cứ Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Bí thư khóa X về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới, đây là cơ sở để Chính phủ và các địa phương xây dựng chính sách hỗ trợ Bảo hiểm y tế cho toàn dân, góp phần ổn định chính trị, đảm bảo công bằng xã hội cho người dân, nhất là người yếu thế trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.

Căn cứ Luật Bảo hiểm y tế số 25/2008/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 46/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 68/2020/QH14, Luật số 30/2023/QH15, Luật số 51/2024/QH15.

Căn cứ Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế.

Căn cứ điểm l khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp: *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương”*. Căn cứ điểm b khoản 12 Điều 32 Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của UBND các cấp: *“Lập và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung quy định tại khoản 9 Điều 31 của Luật này”*.

Căn cứ điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế, quy định *“e) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp pháp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này”*.

b) Cơ sở thực tiễn

Bảo hiểm y tế (gọi tắt là BHYT) là chính sách quan trọng trong trục chính sách an sinh xã hội đã được Đảng và Nhà nước hết sức quan tâm chỉ đạo, được các bộ, ban, ngành và địa phương nghiêm túc triển khai sâu rộng trên phạm vi cả nước.

Ngày 03 tháng 10 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương ban hành Chỉ thị số 52-CT/TW về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, giao chỉ tiêu đến năm 2030, đạt bao phủ y tế toàn dân.

Để hỗ trợ người dân khó khăn có điều kiện tham gia BHYT đến năm 2025, Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) ban hành Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 quy định chính sách hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2022-2025 và Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước (cũ) ban hành Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND ngày 04 tháng 7 năm 2024 quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2024-2025 (*Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết số 16/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 13/2020/NQ-HĐND ngày*

13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020 - 2025).

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh đã được các sở, ban, ngành, cơ quan có liên quan và các địa phương triển khai nhanh chóng và kịp thời, đáp ứng sự mong mỏi của người dân trong tỉnh; số lượng người có thẻ BHYT thuộc hộ gia đình nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình tăng qua các năm đã giúp cho người dân được thụ hưởng rất nhiều quyền lợi về chính sách BHYT, góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an sinh xã hội, đồng thời góp phần hoàn thành các chỉ tiêu về độ bao phủ BHYT được Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao hàng năm.

Theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, sáp nhập tỉnh Bình Phước với tỉnh Đồng Nai, lấy tên là tỉnh Đồng Nai từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Đồng Nai hiện nay có 02 Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh, gồm: Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND; Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND, theo đó đã hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng từ 20% đến 100%; thời gian hỗ trợ của 02 Nghị quyết trên đến hết năm 2025.

Kết quả thực hiện chính sách BHYT của 02 Nghị quyết:

Giai đoạn từ năm 2022 - 2025: tỉnh Đồng Nai (cũ) đã hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND hỗ trợ mức đóng BHYT với tổng số 450.655 thẻ (người), kinh phí 274.484.263.354 đồng.

Giai đoạn từ năm 2020-2025, tỉnh Bình Phước (cũ) đã hỗ trợ cho các đối tượng theo Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND mua thẻ BHYT hỗ trợ mức đóng BHYT với tổng số 672.455 thẻ (người), kinh phí 154.020.755.187 đồng.

Trong thời gian qua, với sự nỗ lực của các cấp, các ngành, tỉnh đã triển khai hỗ trợ mức đóng BHYT cho một số nhóm đối tượng khó khăn, qua đó góp phần nâng cao tỷ lệ người dân tham gia BHYT. Tuy nhiên, đến tháng 10 năm 2025, tỷ lệ bao phủ BHYT trên địa bàn tỉnh đạt 90,3% dân số (kể cả lực lượng vũ trang), vẫn thấp hơn mục tiêu 95% do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND có thời gian hỗ trợ đến hết năm 2025. Dự báo giai đoạn 2026-2030, nếu không ban hành chính sách quy định hỗ trợ mức đóng BHYT cho một số nhóm đối tượng khó khăn, đặc biệt là các hộ có nguy cơ rơi vào hộ nghèo, hộ cận nghèo (nếu trong gia đình có người mắc bệnh hiểm nghèo, thiên tai,..), thì tỷ lệ hộ nghèo, cận nghèo có thể gia tăng, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác an sinh xã hội. Đồng thời, tỷ lệ dân số tham gia BHYT trên địa bàn tỉnh sẽ có nguy cơ giảm, thấp hơn so với giai đoạn 2020 - 2025.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030 là cần thiết,

phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế, tạo điều kiện cho các đối tượng còn khó khăn trong xã hội không có điều kiện tham gia BHYT được chăm lo sức khỏe, góp phần cơ bản trong việc đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương và đạt chỉ tiêu tỷ lệ dân số tham gia BHYT được Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh giao hằng năm.

c) Mục đích ban hành văn bản

- Hỗ trợ và tạo điều kiện cho một số đối tượng khó khăn tham gia BHYT nhằm nâng cao tỷ lệ người dân tham gia thụ hưởng quyền lợi về chính sách BHYT và tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội của Đảng, Nhà nước, bảo đảm tiên bộ và công bằng xã hội. Đồng thời tăng nhanh tỷ lệ bao phủ BHYT theo mục tiêu, Chỉ thị số 52-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân trong giai đoạn mới; Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, giao chỉ tiêu đến năm 2030, đạt bao phủ y tế toàn dân.

- Điều chỉnh, bổ sung mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng khó khăn đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương sau sắp xếp, hợp nhất theo chủ trương của Trung ương.

- Đảm bảo tính pháp lý làm cơ sở để thực hiện hỗ trợ cho các đối tượng thống nhất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp theo chủ trương chung.

- Phù hợp với khả năng nguồn lực và điều kiện thực tiễn của tỉnh.

4. Nội dung chủ yếu

4.1. Bố cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 6 Điều cụ thể:

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh
- Điều 2. Đối tượng áp dụng
- Điều 3. Mức hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ
- Điều 4. Kinh phí thực hiện
- Điều 5: Tổ chức thực hiện
- Điều 6. Điều khoản thi hành

4.2. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2026 - 2030.

4.3. Đối tượng áp dụng

- Người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo quy định của Chính phủ.

- Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

- Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi có nơi thường trú, tạm trú tại: các xã khu vực I; các thôn, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đồng Nai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Người lao động hết thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp quá 03 tháng chưa tham gia lại bảo hiểm y tế cho đến khi tìm được việc làm mới và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

- Người thuộc hộ gia đình thoát nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của trung ương trong thời gian 24 tháng từ khi có quyết định công nhận thoát nghèo.

- Người lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang được tập trung vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành Y tế quản lý trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú.

- Cộng tác viên dân số.

- Học sinh, sinh viên khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và các học sinh tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai.

- Nhân viên y tế thôn, bản (ấp); cô đỡ thôn, bản (ấp).

- Nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

- Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn trung ương.

- Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định chuẩn hộ có mức sống trung bình của trung ương.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4.4. Mức hỗ trợ, nguyên tắc hỗ trợ:

a) Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng sau:

- + Người dân tộc thiểu số thuộc các dân tộc còn gặp nhiều khó khăn, có khó khăn đặc thù theo quy định của Chính phủ.

- + Người mắc bệnh hiểm nghèo theo quy định của Chính phủ và các cơ quan có thẩm quyền.

- + Người từ đủ 70 tuổi đến dưới 75 tuổi (không bao gồm các đối tượng thuộc hộ gia đình nghèo, cận nghèo) có nơi thường trú, tạm trú tại: các xã khu vực I; các thôn, ấp vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Đồng Nai theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- + Người lao động hết thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp quá 03 tháng chưa tham gia lại bảo hiểm y tế cho đến khi tìm được việc làm mới và tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc hoặc hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.

- + Người thuộc hộ gia đình thoát nghèo theo quy định chuẩn nghèo đa chiều của trung ương trong thời gian 24 tháng từ khi có quyết định công nhận thoát nghèo.

+ Người lang thang, xin ăn trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đang được tập trung vào cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc ngành Y tế quản lý trong thời gian chờ đưa về nơi cư trú.

+ Cộng tác viên dân số.

- Ngoài mức hỗ trợ theo quy định của Chính phủ, các đối tượng được hỗ trợ thêm mức đóng theo tỷ lệ phần trăm (%) trên mức đóng bảo hiểm y tế, cụ thể:

+ Hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng:

* Học sinh, sinh viên khuyết tật học hòa nhập tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh và các học sinh tại Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh Đồng Nai.

* Nhân viên y tế thôn, bản (ấp); cô đỡ thôn, bản (ấp).

+ Hỗ trợ 50% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người. Thời gian hỗ trợ là 01 năm kể từ khi đối tượng được cơ quan có thẩm quyền xác nhận là nạn nhân theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người.

+ Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng là người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo chuẩn trung ương.

+ Hỗ trợ 20% mức đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng là người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình theo quy định chuẩn hộ có mức sống trung bình của trung ương.

b) Nguyên tắc hỗ trợ

Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất. Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế thì được hưởng theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

4.5. Nội dung mới của quy định so với Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND:

Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND quy định 12 đối tượng được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế. Trong đó, có 08 đối tượng được kế thừa từ Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND và Nghị quyết số 06/2024/NQ-HĐND, 04 đối tượng mới bổ sung; phần lớn các đối tượng hỗ trợ là những người có hoàn cảnh khó khăn, yếu thế.

IV. Văn bản 4: Nghị quyết Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

1. Tên văn bản quy phạm pháp luật: Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Hiệu lực thi hành:

Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và thay thế các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước quy định số lượng và mức chi bồi dưỡng đối với cộng tác viên dân số thôn, ấp, khu phố trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

3. Sự cần thiết, mục đích ban hành:

a) Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 02/2021/TT-BYT ngày 25/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn, nhiệm vụ của cộng tác viên dân số.

b) Cơ sở thực tiễn

Sau khi sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Đồng Nai hiện nay có 02 Nghị quyết quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh gồm: Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Đồng Nai (hỗ trợ 350.000 đồng/người/tháng) và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 31/3/2022 của HĐND tỉnh Bình Phước (hỗ trợ mức 0,25 mức lương cơ sở với vùng dân tộc thiểu số và 0,2 mức lương cơ sở với vùng còn lại).

Để thống nhất mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho đội ngũ cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh việc xây dựng Nghị quyết quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai là cần thiết và phù hợp với các quy định của pháp luật.

c) Mục đích ban hành văn bản

Quy định mức chi bồi dưỡng hàng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

4. Nội dung chủ yếu

- Nghị quyết được bố cục thành 04 Điều cụ thể:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Mức chi và kinh phí thực hiện

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Điều 4. Hiệu lực thi hành

- Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Đối tượng áp dụng:

+ Cộng tác viên dân số thôn, ấp, khu phố đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định và được cấp có thẩm quyền quyết định.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số.

- Mức chi bồi dưỡng hằng tháng:

+ Cộng tác viên dân số thôn, ấp, khu phố vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc thuộc khu vực biên giới theo quy định hiện hành được hưởng mức chi bồi dưỡng là 585.000 đồng/người/tháng.

+ Cộng tác viên dân số thôn, ấp, khu phố thuộc vùng còn lại được hưởng mức chi bồi dưỡng là 468.000 đồng/người/tháng.

+ Trường hợp một địa bàn đồng thời thuộc nhiều vùng khác nhau thì cộng tác viên dân số chỉ được hưởng một mức bồi dưỡng cao nhất theo quy định.

- Nội dung của Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND so với Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND, Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND: mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND kế thừa theo Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND, nhưng quy định số tiền cụ thể.

Trên đây là Thông cáo báo chí về các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành trong lĩnh vực Y tế.

(Đính kèm: Nghị quyết số 33/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 34/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 35/2025/NQ-HĐND; Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND)./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đồng Nai;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- UBND các xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử Sở Y tế (đăng tải);
- Lưu: VT, VP (Loan).

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Phạm Thị Mai Hương